

BỘ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG**BỘ THÔNG TIN
VÀ TRUYỀN THÔNG****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 25/2015/TT-BTTTT

Hà Nội, ngày 09 tháng 9 năm 2015

THÔNG TƯ**Quy định về quản lý và sử dụng kho số viễn thông**

Căn cứ Luật Viễn thông ngày 23 tháng 11 năm 2009;

Căn cứ Nghị định số 25/2011/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2011 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Viễn thông;

Căn cứ Nghị định số 132/2013/NĐ-CP ngày 16 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Thông tin và Truyền thông;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Viễn thông,

Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành Thông tư Quy định về quản lý và sử dụng kho số viễn thông.

Chương I**QUY ĐỊNH CHUNG****Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Thông tư này quy định về quản lý và sử dụng kho số viễn thông (sau đây gọi là kho số) bao gồm việc: phân bổ, cấp, khai thác, sử dụng, thu hồi, hoàn trả, thuê và cho thuê mã, số viễn thông (sau đây gọi là mã, số).

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với:

1. Cơ quan quản lý nhà nước có liên quan đến hoạt động quản lý và sử dụng kho số.
2. Cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp được phân bổ mã, số.
3. Người sử dụng dịch vụ viễn thông được cấp, sử dụng mã, số.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Thông tư này các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Phân bổ mã, số* là việc cơ quan quản lý nhà nước về viễn thông cấp quyền sử dụng mã, số cho cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp theo quy hoạch, quy định quản lý và sử dụng kho số.

2. *Khai thác mã, số* là việc cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp khai báo và đưa các mã, số được phân bổ vào hoạt động trên hệ thống kỹ thuật.

3. *Cấp mã, số* là việc cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp ấn định mã, số được phân bổ cho thành viên của cơ quan, tổ chức và thuê bao viễn thông.

4. *Sử dụng mã, số* là việc người sử dụng dịch vụ viễn thông sử dụng mã, số được ấn định để truy nhập vào mạng, dịch vụ viễn thông, dịch vụ ứng dụng viễn thông.

5. *Hoàn trả mã, số* là việc cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp tự nguyện trả lại mã, số được phân bổ cho cơ quan quản lý nhà nước về viễn thông hoặc thành viên của cơ quan, tổ chức, thuê bao viễn thông tự nguyện trả lại mã, số được cấp cho cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp khi không còn nhu cầu sử dụng.

6. *Thu hồi mã, số* là việc cơ quan quản lý nhà nước về viễn thông quyết định lấy lại mã, số đã phân bổ hoặc cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp quyết định lấy lại mã, số đã cấp.

7. *Cho thuê số* là việc doanh nghiệp viễn thông cho doanh nghiệp viễn thông khác thuê lại quyền sử dụng số thuê bao được phân bổ.

8. *Khối mã, số* là tập hợp gồm các mã, số liền kề nhau, cụ thể: Khối 10 mã, số là tập hợp gồm 10 mã, số có chữ số hàng chục giống nhau; khối 100 mã, số là tập hợp gồm 100 mã, số có chữ số hàng trăm giống nhau v.v.

Điều 4. Trách nhiệm trong việc quản lý và sử dụng kho số

1. Cục Viễn thông:

a) Xây dựng, sửa đổi, bổ sung quy hoạch, quy định quản lý và sử dụng kho số trình Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành;

b) Trình Bộ Thông tin và Truyền thông thông báo mã, số; đề nghị cấp mã, số đối với các tổ chức quốc tế;

c) Xây dựng kế hoạch đổi số thuê bao viễn thông trong trường hợp đổi số thuê bao viễn thông có thay đổi độ dài, cấu trúc số trình Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành;

d) Trình Bộ Thông tin và Truyền thông phê duyệt việc phân bổ, thu hồi, chấp nhận hoàn trả mã, số; chấp nhận đổi số thuê bao viễn thông đối với các mạng viễn thông dùng riêng phục vụ cơ quan Đảng, Nhà nước, quốc phòng, an ninh;

đ) Hướng dẫn, tổ chức thực hiện quy hoạch, quy định quản lý và sử dụng kho số;

e) Phân bổ, thu hồi, chấp nhận hoàn trả mã, số; chấp nhận việc đổi số thuê bao không thay đổi độ dài, cấu trúc số theo quy hoạch, quy định quản lý và sử dụng kho số trừ trường hợp quy định tại điểm d khoản 1 Điều này;

g) Yêu cầu ngừng việc thực hiện hợp đồng thuê và cho thuê số thuê bao viễn thông nếu phát hiện hợp đồng vi phạm quy hoạch, quy định quản lý và sử dụng kho số;

h) Thu, quản lý, sử dụng phí và lệ phí kho số theo quy định;

i) Xây dựng hệ thống kỹ thuật kết nối với các doanh nghiệp viễn thông để phục vụ việc thu thập, lưu giữ, quản lý số liệu về mã, số;

k) Giám sát, thống kê việc sử dụng mã, số;

l) Tổ chức thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm và giải quyết khiếu nại, tố cáo trong các hoạt động quản lý và sử dụng kho số.

2. Sở Thông tin và Truyền thông:

a) Tuyên truyền, hướng dẫn các cơ quan, tổ chức, cá nhân trên địa bàn trong việc quản lý và sử dụng kho số theo quy hoạch, quy định quản lý và sử dụng kho số;

b) Thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm và giải quyết khiếu nại, tố cáo trong hoạt động quản lý và sử dụng kho số trên địa bàn.

3. Doanh nghiệp viễn thông:

a) Tổ chức thực hiện quy hoạch, quy định quản lý và sử dụng kho số do Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành;

b) Xây dựng, ban hành, thực hiện quy định quản lý, kế hoạch khai thác mã, số đã được phân bổ;

c) Chủ trì, phối hợp với các doanh nghiệp viễn thông khác có liên quan đưa mã, số được phân bổ vào khai thác, đồng thời thông báo và hướng dẫn cho người sử dụng dịch vụ viễn thông việc sử dụng mã, số;

d) Cấp, hoàn trả, cho thuê mã, số được phân bổ theo quy hoạch, quy định quản lý và sử dụng kho số;

đ) Kiểm tra và thu hồi mã, số sử dụng không đúng mục đích hoặc sai quy định;

e) Đầu tư xây dựng hệ thống kỹ thuật, cơ sở dữ liệu để lưu giữ, quản lý số liệu về mã, số được phân bổ. Thực hiện kết nối hệ thống kỹ thuật với Cục Viễn thông khi có yêu cầu để phục vụ công tác quản lý kho số.

4. Cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp được phân bổ mã, số:

a) Khai thác, sử dụng các mã, số được phân bổ theo đúng quy hoạch, quy định quản lý và sử dụng kho số;

b) Hoàn trả mã, số khi không còn nhu cầu sử dụng.

5. Người sử dụng dịch vụ viễn thông:

a) Sử dụng số thuê bao được cấp theo đúng hợp đồng sử dụng dịch vụ hoặc đăng ký sử dụng dịch vụ giao kết với doanh nghiệp viễn thông và quy định quản lý và sử dụng kho số;

b) Hoàn trả lại số thuê bao khi không còn nhu cầu sử dụng.

Điều 5. Chế độ báo cáo

1. Định kỳ hàng năm, trước ngày 15 tháng 01 của năm, cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp được phân bổ mã, số có trách nhiệm báo cáo Cục Viễn thông bằng văn bản số liệu và tình hình khai thác, sử dụng các mã, số của năm trước theo mẫu tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Thông tư này.

2. Cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp được phân bổ mã, số chịu trách nhiệm về tính chính xác và kịp thời của nội dung số liệu báo cáo. Trong trường hợp cần thiết, đối tượng báo cáo có trách nhiệm chứng minh tính chính xác của số liệu báo cáo theo yêu cầu của Cục Viễn thông; cử cán bộ phối hợp và cung cấp các trang thiết bị cần thiết để Cục Viễn thông thẩm tra số liệu báo cáo.

Điều 6. Phí và lệ phí kho số viễn thông

1. Cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp được phân bổ mã, số có trách nhiệm nộp lệ phí phân bổ và phí sử dụng kho số theo quy định.

2. Cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp chỉ nhận được quyết định phân bổ mã, số sau khi đã nộp lệ phí phân bổ kho số theo quy định.

3. Trong vòng 30 ngày sau khi nhận được thông báo nộp phí sử dụng kho số cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp có trách nhiệm nộp phí theo quy định.

**Chương II
PHÂN BỔ MÃ, SỐ VIỄN THÔNG****Điều 7. Thủ tục phân bổ mã, số**

1. Hồ sơ phân bổ mã, số được lập thành 01 bộ, gồm có:

a) Đơn đề nghị phân bổ mã, số theo mẫu tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Bản sao giấy phép viễn thông (đối với doanh nghiệp viễn thông); bản sao có chứng thực giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy chứng nhận đầu tư (đối với các doanh nghiệp khác); bản sao có chứng thực quyết định thành lập (đối với cơ quan, tổ chức không phải doanh nghiệp) trong trường hợp gửi hồ sơ qua đường bưu chính; hoặc bản sao giấy phép viễn thông (đối với doanh nghiệp viễn thông); bản sao giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy chứng nhận đầu tư (đối với các doanh nghiệp khác); bản sao quyết định thành lập (đối với cơ quan, tổ chức không phải doanh nghiệp) kèm theo bản gốc các giấy tờ trên để đối chiếu trong trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp tại Cục Viễn thông.

2. Địa chỉ tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả:

a) Cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp gửi hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu chính đến Cục Viễn thông (địa chỉ cụ thể công khai trên trang thông tin điện tử của Cục Viễn thông: vnta.gov.vn);

b) Kết quả xử lý hồ sơ được trả tại nơi tiếp nhận hồ sơ hoặc qua đường bưu chính.

3. Thời hạn và quy trình xử lý hồ sơ: Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ và hợp lệ, Cục Viễn thông xem xét ra Quyết định phân bổ mã, số. Trong trường hợp không đồng ý, Cục Viễn thông có văn bản nêu rõ lý do từ chối.

Điều 8. Phân bổ số thuê bao mạng viễn thông cố định mặt đất

1. Tiêu chí phân bổ:

a) Số thuê bao mạng viễn thông cố định mặt đất được phân bổ cho doanh nghiệp có giấy phép thiết lập mạng viễn thông công cộng loại mạng cố định mặt đất và giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông loại hình dịch vụ cố định mặt đất;

b) Hiệu suất sử dụng số thuê bao mạng viễn thông cố định mặt đất của doanh nghiệp đạt tỷ lệ tối thiểu 75% trên tổng số số thuê bao mạng viễn thông cố định mặt đất đã được phân bổ (tính theo từng vùng số) đối với lần phân bổ thứ hai trở đi.

2. Cách thức phân bổ: Số thuê bao mạng viễn thông cố định mặt đất được phân bổ theo khối 10.000 số, 100.000 số. Số lượng tối thiểu là 10.000 số và tối đa là 100.000 số cho mỗi lần phân bổ (áp dụng cho lần phân bổ đầu tiên cũng như các lần phân bổ tiếp theo) đối với mỗi vùng số.

Điều 9. Phân bổ số thuê bao mạng viễn thông cố định vệ tinh

1. Tiêu chí phân bổ:

a) Số thuê bao mạng viễn thông cố định vệ tinh được phân bổ cho doanh nghiệp có giấy phép thiết lập mạng viễn thông công cộng loại mạng cố định vệ tinh và giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông loại hình dịch vụ cố định vệ tinh;

b) Hiệu suất sử dụng số thuê bao mạng viễn thông cố định vệ tinh của doanh nghiệp đạt tỷ lệ tối thiểu 75% trên tổng số số thuê bao mạng viễn thông cố định vệ tinh đã được phân bổ đối với lần phân bổ thứ hai trở đi.

2. Cách thức phân bổ: Số thuê bao mạng viễn thông cố định vệ tinh được phân bổ theo khối 10.000 số, 100.000 số. Số lượng tối thiểu là 10.000 số và tối đa là 100.000 số cho mỗi lần phân bổ (áp dụng cho lần phân bổ đầu tiên cũng như các lần phân bổ tiếp theo).

Điều 10. Phân bổ mã mạng và số thuê bao mạng viễn thông di động mặt đất sử dụng cho thuê bao viễn thông là người

1. Tiêu chí phân bổ:

a) Mã mạng và số thuê bao mạng viễn thông di động mặt đất sử dụng cho thuê bao viễn thông là người được phân bổ cho doanh nghiệp có giấy phép thiết lập mạng viễn thông công cộng loại mạng di động mặt đất và giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông loại hình dịch vụ thông tin di động mặt đất;